

**Nhà văn, Cư-sĩ Huỳnh Trung Chánh**

**trong dòng Văn-học Phật- giáo hải ngoại**

**Bài viết của Nguyễn Vĩnh Thượng**

Trong bài này, chúng tôi sẽ trình bày:

**I.- Khái quát về văn học Phật giáo Việt Nam:**

A.- Định nghĩa văn học Phật giáo.

B.- Văn học Phật giáo Việt Nam ở Việt Nam.

C.- Văn học Phật giáo Việt Nam ở hải ngoại.

**II.-Nhà văn, Cư-sĩ Huỳnh Trung Chánh trong dòng văn học Phật giáo Việt Nam ở hải ngoại:**

A.-Tiểu sử của Huỳnh Trung Chánh.

B.-Nội dung của các tập truyện ngắn:

1.- Vài tập truyện ngắn tiêu biểu.

2.-Vài đoạn văn tiêu biểu trong các tập

truyện ngắn.

**III.- Kết luận.**

**I.- Khái quát về văn học Phật giáo Việt Nam:**

**A.- Định nghĩa văn học Phật giáo**

Văn học Phật giáo là một phần của nền văn học thế giới. Tùy theo nội dung tác phẩm, chúng ta có thể phân làm 2 loại:

1.- Các tác phẩm thuyết giảng về Phật học, đây là loại văn học viết thuần túy về triết học Phật giáo. Ví dụ:

-Phật học phổ thông (cuốn 1 đến 12) của cố Hòa Thượng Thích Thiện Hoa.

-Phật học tinh hoa của GS Nguyễn Duy Cần.

2.- Các tác phẩm chịu ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo. Ví dụ:

-Tư tưởng Phật giáo trong văn học thời Lý.

-Tư tưởng Phật giáo trong văn học thời Trần.

Văn học Phật giáo Việt Nam là một bộ phận của nền văn học Phật giáo thế giới, và cũng là một bộ phận của nền văn học Việt Nam.

Theo cố Hoà Thượng Thích Tuệ Sỹ thì:

*“1.- Sơ khởi văn học Phật giáo không từ chối vai trò truyền đạo của nó, tức là chân lý của tôn giáo này, tùy từng trường hợp được phô diễn tự do trong mọi thể tài văn học, và coi văn học chỉ như một phương tiện thứ yếu không quan trọng bằng nội dung.*

*2.- Nhưng chân lý ở đây mang tính cách nội tại và cá biệt nơi mỗi người. Do đó, sự phô diễn của nó cũng bắt đầu như sự bắt đầu của một tác phẩm văn học; nghĩa là, khởi đi từ cảm hứng bộc phát trước một thế giới của kinh nghiệm tâm linh Phật giáo.*

*3.- Hơn nữa, trên khía cạnh tôn giáo, chân lý được chứng ngộ là phản ảnh một thế giới sống động. Trên phương diện diễn đạt của văn học là cảm hứng tự phát của một tình tự cá biệt”*

(Tuệ Sỹ, ***Dẫn vào thế giới văn học Phật giáo.***

Nguồn: Thư Viện Hoa Sen.)

Văn học Phật giáo Việt Nam đã sử dụng một trong 3 ngôn ngữ chính: chữ Hán, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.

Lần đầu tiên vào thế kỷ thứ 3 đã thấy xuất hiện: “*Lục Độ Tập Kinh*” do Thiền sư Khương Tăng Hội (? – 280) dịch. Mâu Tử (160 – 230) viết “*Lý Hoặc Luận*”. Các tác phẩm này được viết bằng chữ Hán.

Vào thế kỷ 18 và 19, các vị thiền sư còn sử dụng chữ Nôm để sáng tác. Thiền sư Minh Châu Thương Hải với “*Sự Lý Dung Thông*”, nhà văn Nguyễn Du với “*Văn Tế Thập Loại Chúng Sanh*”.

Đến năm 1920, do ảnh hưởng của phong trào chấn hưng Phật giáo ở Trung Quốc được phát động bởi Đại Sư Thái Hư, Phật giáo Việt Nam đã phát động phong trào chấn hưng Phật giáo trên toàn quốc, cùng khắp 3 miền của đất nước: Bắc, Trung và Nam:

Năm 1931, “*Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học*” được thành lập ở Saigon, sau đó là “*Hội Lương Xuyên Phật học*” cũng được thành lập ở miền Tây Nam phần.

Năm 1932, “*Hội Phật Học Trung Việt*” được thành lập ở Huế.

Năm 1934, “*Hội Phật giáo Bắc Việt*” được thành lập tại Hà Nội.

Các Hội Phật giáo đã xuất bản nhiều tạp chí để truyền bá tư tưởng triết học Phật giáo và vận động các bậc túc nho, tăng sĩ, cư sĩ phiên dịch các kinh văn chữ Hán ra chữ Quốc ngữ để mọi người dễ đọc, dễ hiểu để học hỏi Phật Pháp.

(Xem thêm bài “*Việc phiên dịch kinh điển Phật giáo ra chữ Quốc ngữ*” của NVT.

Nguồn: Trang Nhà quảng Đức, Thư Viện Hoa Sen, An Phong An Bình.)

Vài tạp chí Phật giáo tiêu biểu từ Nam ra Bắc:

1.- *Từ Bi Âm* (1932 – 1943): Xuất bản sớm nhất ở Saigon. Đã đăng *Kinh Kim Cang Bát-nhã* do Trí Độ dịch từ chữ Hán ra chữ Quốc ngữ.

2.- *Viên Âm* (1934-1944): xuất bản ở Huế. Đã đăng *Kinh Lăng Nghiêm* và *Kinh Ưu Bà Tắc Giới* do Tâm Minh dịch, *Luận Đại Thừa Khởi Tín* do Trí Quang dịch.

3.- *Đuốc Tuệ* (1935 – 1941) của Chùa Quán Sứ ở Hà Nội. Đã đăng *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh* và *Quan Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn* do Viên Quang dịch. *Kinh Hối Quá, Phương Pháp tại gia học Phật, Tội nghiệp báo ứng giáo hoá địa ngục kinh* do Nguyễn Thượng Cần dịch. *Giảng giải kinh Bát Đại Nhân Giác* (đây là bài thuyết pháp của Đại sư Trung quốc Thái Hư) do Thiều Chửu dịch.

Nhiều bản dịch Kinh Phật ra chữ Quốc ngữ: “*Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*” và “*Quan Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn*” do Viên Quang dịch.

Có nhiều dịch giả khác như Phạm Kim Khánh, H.T. Thích Mật Thể (Ngài là vị Sư đã tự đặt họ Thích cho mình, và phát khởi việc dùng họ Thích cho tất cả các sư Bắc Tông/ Phật giáo Phát Triển vào khoảng năm 1940), H.T. Thích Quảng Độ, H.T. Thích Trí Tịnh, H.T. Thích Thanh Từ (Cựu Giáo sư Viện Cao đẳng Phật học Saigon) H.T. Thích Minh Châu (Cựu Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh, Cựu Giáo sư Đại học Văn Khoa Saigon), H.T. Thích Tuệ Sỹ v...v...

Nhiều văn thi sĩ đã dịch thuật các sáng tác, giảng giải kinh luận như: Tâm Minh Lê Đình Thám, Chánh Trí Mai Thọ Truyền (Cựu Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn Hoá trong Chính Phủ VNCH, Cựu Giáo sư Viện Cao đẳng Phật học Saigon, Cựu Giáo sư trường Đại Học Văn Khoa Saigon ), Thiều Chửu, GS Nguyễn Duy Cần (Cựu Trưởng Ban Triết Học Đông Phương tại trường Đại

Học Văn Khoa Saigon, Cựu Giáo sư Viện Đại học Vạn Hạnh), Võ Đình Cường, Thiền sư Lê Mạnh Thát v... v...

Phùng Khánh và Phùng Thăng đã dịch cuốn tiểu thuyết “*Siddhartha*”, bản tiếng Anh, của Hermann Hesse (Đức, 1877 – 1962, giải Nobel văn chương 1946). Theo hai dịch giả này thì:

[...] “*Tất cả tác phẩm của Hermann Hesse đều nói lên niềm cô đơn tâm linh của con người thời đại, nổi thao thức triền miên của những tâm hồn khát khao đi tìm một chân trời mới cho đời mình và nhất là những nỗ lực vô hạn để vươn lên mọi ràng buộc của thân phận làm người.*”

[...] *Đọc “Câu chuyện dòng sông”, chúng ta sẽ thấy rằng cuộc đời đáng sống và chứa đựng muôn ngàn hương sắc tuyệt vời, mà chúng ta thường bỏ quên và đánh mất giữa đời sống thường nhật. “Câu chuyện dòng sông” là câu chuyện của mỗi người trong chúng ta; đó cũng là hình ảnh muôn thuở của trần gian và của mộng đời bất tuyệt.*

(Phùng Khánh & Phùng Thăng)

Điểm đáng lưu ý là văn học Phật giáo miền Nam đã được phát khởi: phong trào Phật học nổi lên khi “*Viện Cao đẳng Phật học Saigon*” được thành lập tại chùa Pháp Hội ở Saigon vào mùa Xuân 1964. Kế đến là *Đại học Vạn Hạnh* ra đời năm 1965, và sự ra đời của nhiều tạp chí Phật học như *Từ Quang* ở chùa Xá Lợi Saigon, *Vạn Hạnh*, *Liên Hoa*, *Bát Nhã* v...v...

Biến cố ngày 30 tháng 4 năm 1975 xảy ra: miền Nam Việt Nam thua cuộc, miền Bắc thắng cuộc. Trước và sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, có rất nhiều đồng bào miền Nam bỏ nước ra đi bằng đường biển hoặc đường bộ để đến các nước Thái Lan, Mã Lai, Nam Dương, Hồng Kông, Nhật Bản. Trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 không bao lâu thì GS TS Lý Công Cần (Cựu Giáo sư Vật lý trường Đại Học Khoa Học Saigon) đã tự

lái chiếc du thuyền nhỏ vượt biển từ Rạch Giá đến Úc Châu; bằng đường bộ qua ngã Campuchia để tới Thái Lan; ở miền Bắc thì đi bằng đường bộ qua ngã Trung Hoa rồi đến trại tị nạn Hồng Kông. Từ các trại tị nạn người vượt biên lần lượt được các nước thứ ba nhận cho định cư như Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Pháp, Đức, Đan Mạch, Na uy v...v...; và Úc Châu.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, chánh quyền VNCH ở miền Nam sụp đổ, chính quyền mới của phe Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa VN cho rằng sách báo miền Nam là “đồi trụy” và “phản động”, nên họ ra lệnh tiêu huỷ các sách báo, tài liệu của chánh quyền VNCH chỉ trừ các sách về khoa học tự nhiên và y khoa như toán học, vật lý, vạn vật, sách y học thì còn được giữ lại.

Các sách về văn học hiện sinh, triết học Tây phương: Nietzsche, Freud, Sartre, Camus ...Các tác phẩm của Nhã Ca, Mai Thảo, Duyên Anh, GS Doãn Quốc Sỹ, Võ Phiến, Nguyễn Mạnh Côn, Thanh Tâm Tuyền, GS Nguyễn Sa ... đều bị đốt . Một số người đem cất dấu, sau này họ đem ra bán ở các nhà bán sách cũ, khoảng năm 2021 một số sách cũ còn được đem ra bán đầu giá; tới khoảng thập niên 1990, qua thời đổi mới, một số sách được in lại và bày bán.

Trong lịch sử Trung Hoa, bạo chúa Tần Thủy Hoàng ( 259 trước CN – 210 trước CN) đã ra lệnh đốt sách và chôn các nhà Nho, sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, việc đốt sách lại xảy ra ở miền Nam VN.

- Các sách dịch tiểu thuyết của Mỹ, Pháp cũng bị tịch thu và đốt.
- Các kinh sách về tôn giáo như Phật giáo, Thiên Chúa giáo/ Công giáo đều bị tịch thu và đốt. Nhiều Tăng Ni, Cư sĩ , Phật tử đã cất giấu các Kinh Sách ...
- Các tạp chí: Sáng Tạo, Bách Khoa, Khởi Hành, Văn, Trình bày v...v... cũng bị tịch thu và đốt.

- Nhiều người lén cất giấu các sách này để sau này đọc lại. Hàng triệu các cuốn sách bị tiêu huỷ, bị đốt hoặc bị đem đi nghiền nát để làm bột giấy.
- Nhiều nhà văn bị đi tù cải tạo, một số may mắn vượt biên ra nước ngoài.
- Các bãi đốt sách nổi tiếng ở Saigon sau 1975 là:
  1. Trước “Thư Viện Quốc Gia” của VNCH nay là “Thư Viện Khoa Học Tổng Hợp”.
  2. Trước “Nhà Hát Thành Phố” ở đường Lê Lợi.
  3. Sân “Trường Đại học Văn Khoa Saigon” nay là một phần của Đại Học KHXH & NV.
  4. Công Trường Mê Linh và bờ sông Saigon.
- Các nhà in, nhà xuất bản lớn ở Saigon đều bị niêm phong, sách bị tịch thu và một số bị đem đốt: Khai Trí, Xuân Thu, Nam Cường, Tân Việt, Trí Đăng, An Tiêm, Yiễm Yiễm, Lá Bối (nổi tiếng với nhiều sách Phật học và văn hoá Đông Tây phương) . v...v...
- Các nhà sách Phật giáo, Công giáo, Tin Lành đều bị đóng cửa, nhiều sách tôn giáo bị tịch thu đem đốt: nhà sách Đức Mẹ (Công giáo), nhà sách Lá Bối (Phật giáo).

Nói tóm, các Nhà Xuất Bản, “tiệm sách tư nhân” đều bị tịch thu, bị quốc hữu hoá. Nhà nước mới đã thành lập một hệ thống “quốc doanh” để in ấn và phát hành sách của XHCN. Văn hoá ở miền Nam bị tận diệt, tuy nhiên với thời gian và nhất là vào thời đổi mới vào cuối thập niên 1980 thì nền văn hoá miền Nam được phục hưng do chính các độc giả yêu mến và kính trọng nền văn hoá tuyệt vời của miền Nam: nhạc Boléro được nhiều người ưa chuộng và hát, nhiều sách, nhiều bản dịch được in lại.

- Các tạp chí văn học lớn và nổi bật của miền Nam trước 1975:

- 1.- Tạp chí **Bách Khoa** (1957 – 1975) Chủ nhiệm, kiêm Chủ bút : Huỳnh văn Lang, đây là một tạp chí văn hoá, văn học, triết học có uy tín và ảnh hưởng nhất ở miền Nam. Trọng tâm viết về Phật giáo, Công giáo, triết học hiện sinh v...v.
- 2.- Tạp chí **Văn** (1964 – 1975), Chủ nhiệm là Nguyễn Đình Vương, có nhiều tác phẩm mới của Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Dương Nghiễm Mậu, Nhã ca, Phạm Thiên Thư ( với bài thơ nổi tiếng “ *Ngày Xưa Hoàng Thị*”, nhạc sĩ Phạm Duy đã phổ nhạc bài thơ này khoảng đầu thập niên 1970) v...v.
- 3.-Tạp chí **Sáng Tạo** (1956 – 1961) do Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền khởi xướng; đã tạo nên phong trào thơ tự do, văn học hiện sinh, giới thiệu tư tưởng Tây phương hiện đại. Đặc biệt Tô Thùy Yên đã cộng tác với tạp chí này.
- 4.-Tạp chí **Trình Bày** (1966 – 1975) do GS TS Nguyễn Văn Trung chủ trương, (ông là Cựu Khoa Trưởng trường Đại học Văn Khoa, Cựu Trưởng ban triết học Tây phương). Tạp chí này chuyên về triết học, chính trị, xã hội.
- 5.-Tạp chí **Khởi Hành** (1969 – 1975) do Viên Linh chủ trương; chuyên về văn học, nghệ thuật. Sau 30 tháng 4 năm 1975, Viên Linh tái bản tạp chí Khởi Hành ở hải ngoại.

- Nhiều tờ báo nổi tiếng ở miền Nam trước 1975 cũng bị đóng cửa như: **Chính Luận, Tự Do, Saigon Mới, Sống Thần, Đại Dân Tộc** v...v.

Sau 1975, một số tạp chí văn học, chính trị được tái lập ở hải ngoại: **Khởi Hành, Văn, Hợp Lưu (mới), Giao điểm (mới), Quê Mẹ** v...v. . . tiếp tục mạch sống văn học miền Nam VNCH.

Sau khi định cư ở nước thứ ba, người Việt tị nạn bắt đầu có đời sống ổn định, họ đã có việc làm mưu sinh nên họ bắt đầu viết lách, có



những sinh hoạt văn hoá: nhiều tạp chí, nguyệt san, đặc san ra đời với giá bán phải chăng. Có những tờ tuần báo chỉ để phát không ở các chợ, các siêu thị với mục đích chính là lấy tiền quảng cáo nên nhiều người còn gọi là “*báo chợ*”.

Rất nhiều sách xuất bản ở miền Nam trước 1975 đã bị chánh quyền mới đốt sạch, nay đã được nhiều nhà Xuất Bản ở Hoa Kỳ in lại như NXB **Đại Nam**, NXB **Xuân Thu** .v...v. có những NXB mới thành lập để xuất bản các sách mới viết tại hải ngoại như NXB **Văn Nghệ** của Thầy Từ Mẫn, trước đây Thầy đã quản trị NXB Lá Bối ở Saigon; đã xuất bản “*Lý Luận và Phê Bình: Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước (1975 – 1995)*” của Bùi Vĩnh Phúc; “*Văn học miền Nam*” (gồm 7 tập) của Võ Phiến v...v...; và phát hành “*Tư tưởng Phật giáo trong văn học thời Lý*” của Nguyễn Vĩnh Thượng v...v...; NXB **Tiếng Quê Hương** đã in “*Đêm giữa ban ngày*” của Vũ Thư Hiên v...v..., ở Canada có NXB **Làng Văn** của Nguyễn Hương và Nguyễn Hữu Nghĩa đã xuất bản “*Nét Chân Tâm*” của Lê Khắc Ngọc Quỳnh, và giới thiệu nhiều tác giả mới v...v...

**Phật Học Viện Quốc Tế** ở Cali, Hoa Kỳ do H.T. Thích Đức Niệm làm Viện Trưởng, đã in lại tất cả các Kinh, Luật, Luận, các sách khảo luận về Phật học đã in trước 1975. Rồi Phật Học Viện phát hành các Kinh Sách đã in đến các chùa chiền ở hải ngoại. Nơi đây còn xuất bản và phổ biến nhiều tác phẩm được sáng tác tại Hoa Kỳ, Canada, Pháp, Đức v...v. . .; và còn xuất bản nguyệt san để phổ cập tin tức Phật giáo Việt Nam ở hải ngoại, nguyệt san còn đăng các sáng tác văn học Phật giáo của Tăng Ni, Cư sĩ và Phật tử.

Phần lớn các bài viết trên các báo chí hải ngoại đều không có tiền nhuận bút chỉ trừ các tác giả nổi tiếng có nhiều độc giả thì mới đòi hỏi tiền nhuận bút được.

Ở hải ngoại, cho tới khoảng năm 1980, báo chí sách vở được phát hành nhiều. Nội dung các bài viết thường là vấn đề tị nạn, lưu vong, hồi ký, bảo lãnh, đoàn tụ, diện HO của các cựu sĩ quan VNCH đã “bị đi tù cải tạo”, diện du học sinh, diện du lịch, những trải nghiệm thống khổ dưới chế độ XHCN ở miền Nam Việt Nam.

Sau đó, thế hệ thứ hai và thứ ba lần lần hội nhập văn hoá mới nơi mình định cư như Hoa Kỳ, Gia-nã-đại, Pháp, Đức, Anh, Na-Uy, Hoà Lan, Đan Mạch, Thụy Sĩ, Ý .v...v. có những sáng tác bằng tiếng Anh, tiếng Pháp được xuất bản.

Song song với việc phát triển văn học Việt Nam ở hải ngoại, văn học Phật giáo cũng phát triển. Tăng Ni, Cư sĩ và Phật tử cùng nhau thiết lập “**Niệm Phật Đường**”, “**Chùa Chiền**”. Nơi đây có in ấn những bản tin, nguyệt san Phật giáo và những đặc san trong các ngày lễ lớn như: Tết Nguyên Đán, ngày Phật Đản, ngày Vu Lan v...v...

**Văn học Phật giáo Việt Nam hải ngoại** trong mấy mươi năm qua đã phát triển trong các lãnh vực sáng tác, dịch thuật, in kinh sách, in đặc san. Từ khi xuất hiện các trang mạng toàn cầu ở các Chùa lớn, ở các Hội đoàn Phật giáo, ở các nhà thành lập trang mạng toàn cầu thì văn học Phật giáo càng phát triển mạnh thêm:

1.- **Trong lãnh vực sáng tác:** các Tăng Ni, Cư sĩ và Phật tử đã sáng tác rất nhiều thể loại:

-**Thơ:** nhiều nhà thơ đã thành danh trước 1975 ở miền Nam Việt Nam, và khi ra hải ngoại họ vẫn còn tiếp

tục sáng tác: Thiền sư Nhất Hạnh (Cựu Giáo sư Viện Cao đẳng Phật học Saigon), Huyền Không/ Thích Mãn Giác, Viên Linh, Đỗ Tú toàn v...v... Nhiều nhà thơ mới sáng tác khi ra nước ngoài như H.T. Thích Tâm Châu, H.T. Thích Giác Nhiên v...v...

**-Truyện dài, truyện ngắn:** Viên Linh, Trần Trung Đạo, Vĩnh Hảo, Cao Ngọc Phượng/ Chơn Không (Cựu Giáo sư Sinh Vật tại Đại Học Khoa Học Saigon), Huỳnh Trung Chánh v...v...

**-Bút Ký:** Nhật ký của Cố H.T. Thích Đức Niệm được các đệ tử cho in thành sách sau khi Thầy viên tịch.

**2.- Trong lãnh vực biên khảo, nghị luận:** có nhiều Tăng Ni, Cư sĩ và Phật tử đã nỗ lực biên khảo các luận đề Phật học như H.T. Thích Mãn Giác (Cựu Giáo sư Viện Cao đẳng Phật học Saigon, Cựu Giáo sư trường Đại học Văn Khoa Saigon), Thiền sư Nhất Hạnh, H.T. Thích Như Điển, Nghiêm Xuân Hồng, Trần Quang Thuận (Cựu Bộ trưởng Xã hội trong Chính phủ VNCH, Cựu Thượng Nghị Sĩ trong Thượng Viện VNCH) , Lý Khôi Việt, Huỳnh Kim Quang, Tâm Minh Ngô Tằng Giao, Nguyễn Vĩnh Thượng v...v...

**3.- Trong lãnh vực dịch thuật:** phần lớn các bản dịch đều lấy từ các tác phẩm Phật giáo viết bằng tiếng Anh, hoặc tiếng Pháp. Các sách dịch được tập trung vào các đề tài: triết học Phật giáo tổng quát, Phật giáo Tây Tạng, Thiền, Phật giáo và khoa học. Các dịch giả như Trí Hải, Nguyễn Phong v...v...

Có những tác phẩm được dịch ngược lại từ tiếng Việt sang tiếng Anh như các tác phẩm của: Thiền Sư Nhất Hạnh, H.T Huyền Không, Cư sĩ Nguyên Giác Phan Tấn Hải v...v...

**4.-Trong lãnh vực báo chí** có nhiều tờ phải đình bản vì thiếu tiền trợ duyên. Tuy nhiên cũng có vài tờ có tuổi thọ cao như **“Phật giáo Việt Nam”, “Giao Điểm”, “Quê Mẹ”** v...v...

**5. Trong lãnh vực các trang mạng điện toán:** Đây là một lãnh vực mới phát triển trong văn học Phật giáo hải ngoại, và ở quốc nội nữa. Các kinh điển Phật giáo bằng chữ Quốc ngữ đã được đăng trên các trang web Phật học ở hải ngoại và ở trong nước :

-**“Thư Viện Hoa Sen”** do Cư sĩ Tâm Diệu làm Trưởng Ban Biên Tập ở Hoa Kỳ.

-**“Hoa Vô Ưu”** do Tỳ-Kheo Thích Hạnh Tuệ làm Tổng Biên Tập ở Hoa Kỳ.

-**Ban Phiên Dịch Việt Ngữ của Vạn Phật Thánh Thành** do Cố Đại sư Trung quốc Tuyên Hoá thành lập ở Hoa Kỳ.

-**“Trang nhà Quảng Đức”** do H.T. Thích Nguyên Tạng làm Trưởng Ban Biên Tập ở Úc Châu.

-**“Chùa A-di-đà”** do H.T. Thích Nguyên Trục làm Trưởng Ban Biên Tập ở Úc Châu. v...v...

Ở Việt Nam, có **Rộng mở Tâm Hồn** do Cư sĩ Nguyễn Minh Tiến làm chủ biên; **Đạo Phật Ngày Nay, Giác Ngộ** v...v...

Văn học Phật giáo hải ngoại phát triển mạnh nhất là trong giai đoạn từ cuối thập niên 1970 đến cuối thập niên 1990. Nhưng sau năm 2000 thì văn học Phật giáo hải ngoại bắt đầu suy yếu về lượng cũng như về phẩm. Tình trạng này tương tự với tình trạng văn học Việt Nam tại hải ngoại.

Chúng ta nhận thấy rằng hầu hết các tác giả đã đóng góp cho nền văn học Phật giáo hải ngoại đều là thế hệ thứ nhất của người tị nạn đã được định cư ở các nước thứ ba. Đây là những vị đã hấp thụ nền văn hoá và giáo dục VNCH trước khi định cư ở nước ngoài. Các tác giả sinh ra và lớn lên ở hải ngoại rất ít thấy sáng tác văn học Phật giáo. Điều này hơi khác với nền văn học Việt Nam hải ngoại: chúng ta thấy có sự xuất hiện của nhiều tác giả thuộc thế hệ thứ ba, họ thường sử dụng ngôn ngữ Anh, Pháp v...v...

Trong thực tế, việc sáng tác đối với các Cư sĩ, Phật tử là việc phụ, họ còn phải làm việc khác để mưu sinh nên họ chỉ viết lách cho các tạp chí Phật giáo, các nguyệt san, các đặc san Phật giáo chỉ do thiện nguyện, họ không nhận tiền nhuận bút. Các kinh sách Phật giáo được in ra và bán với số lượng khiêm tốn, không đủ tiền in, phần lớn các kinh sách đều được tặng không tức là để *ấn tống*.

Tóm lại, văn học Phật giáo Việt Nam đã có nhiều phát triển vào lúc đầu, nhưng có lẽ vì thiếu nhân sự như các Tăng Ni trẻ, Cư sĩ trẻ và Phật tử trẻ đóng góp trong việc sáng tác nên hiện nay văn học Phật giáo hải ngoại có phần suy giảm. Hy vọng trong tương lai khi vấn đề nhân sự được phát triển thì nền văn học Phật giáo hải ngoại sẽ cũng được phát triển trở lại.

## **II.- Nhà văn, Cư sĩ Huỳnh Trung Chánh trong dòng văn học Phật giáo hải ngoại:**

Huỳnh Trung Chánh đã định cư ở Hoa Kỳ khoảng năm 1977. Cũng như tất cả các người Việt tị nạn, ông đã đi làm để mưu sinh. Ngoài ra ông đã dành thì giờ để viết các truyện ngắn, gởi đăng nơi các đặc san, các nguyệt san của nhà chùa, và các trang mạng Phật giáo. Sau đó, tác giả kết hợp các truyện ngắn lại thành 8 tập truyện ngắn và gởi đến các nhà xuất bản để in ấn.

Sau đây chúng tôi sẽ trình bày:

A.- Tiểu sử nhà văn, cư sĩ Huỳnh Trung Chánh.

B.- Nội dung của các tập truyện ngắn của ông.

### **A.- Tiểu sử:**

Nhà văn cư sĩ **Huỳnh Trung Chánh**, tự hiệu là Hư Thân, sanh năm 1939 tại Trà Vinh, quê nội của ông. Suốt quãng đời niên thiếu ông sống nơi quê ngoại tại quận Cao Lãnh, tỉnh Sa-Đéc, Nam Việt Nam. Ông có Pháp danh là Thiện Tâm do Hoà Thượng Thích Tác Thuận trụ trì chùa Linh Sơn ở Saigon đặt, khi ấy ông được 18 tuổi.

- Tốt nghiệp Cử nhân Luật Khoa ( 1961 ), Đại Học Luật Khoa Saigon.
- Tốt nghiệp Cử nhân Phật Học (1967), Phân Khoa Phật Học và Triết Học Đông Phương, Viện Đại Học Vạn Hạnh, Saigon.

Là một công chức dưới thời Việt Nam Cộng Hoà, ông đã nổi tiếng thanh liêm, chánh trực và hết lòng dấn thân để phục vụ đại đa số dân chúng Việt Nam theo hạnh Bồ Tát của Phật giáo. Ông đã đóng góp vào

việc hoằng pháp tại các Tỉnh Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại An Giang và Kiên Giang trong thời gian ông làm việc tại hai tỉnh này từ năm 1965 đến 1975. Ông đã từng giữ các chức vụ sau đây:

- Lục sự tại Toà án Saigon và Long An (1960 – 1962).
- Chuyên viên nghiên cứu tại Phủ Tổng Thống (1962 – 1964).
- Thanh Tra Lao Động tại Bộ Lao Động (1964 – 1965).
- Dự Thẩm tại Toà Sơ Thẩm An Giang (1965 - 1966).
- Chánh Án tại Toà Sơ Thẩm Kiên Giang (1966 – 1969) và Toà án Long An (1969 – 1971).
- Dân Biểu Quốc Hội VNCH tại Thị Xả Rạch Giá (1971 – 1975).
- Luật Sư tại Toà Thượng Thẩm Saigon (1971 – 1975).
- Ông định cư tại California, Hoa Kỳ từ khoảng năm 1977.
- Từ đầu thập niên 1950, khi hầy còn là một học sinh trung học, ông đã sáng tác nhiều bài thơ, và tự đánh máy để tặng các thân hữu. Ông bắt đầu sáng tác các truyện ngắn trong thời gian làm Chánh Án tại Toà Sơ Thẩm Kiên Giang.

Tại hải ngoại, ông tiếp tục sáng tác. Các truyện ngắn của ông đặc biệt viết cho Tạp Chí Phật Giáo Hải Ngoại ( PGHN ), và cho các Đặc San của các Chùa Phật Giáo ở Hoa Kỳ, Canada , Pháp , Đức, Úc v...v... Hoà Thượng Thích Đức Niệm là Chủ Nhiệm của Tạp Chí PGHN, chủ bút là Quảng Thành. Hoà Thượng Thích Đức Niệm đã thành lập PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ ( PHVQT ) ở California, Hoa Kỳ, và làm Viện Trưởng PHVQT cho đến khi Ngài viên tịch. Nhà văn cư sĩ Huỳnh Trung Chánh là bạn đồng môn với Hoà Thượng Đức Niệm khi còn theo học Phật học tại Viện Cao Đẳng Phật Học Saigon (1964), Hoà Thượng Đức Niệm là một vị tăng có đạo cao, đức trọng, nên nhà văn cư sĩ Huỳnh Trung

Chánh đã tôn vinh vị Cao Tăng này như là một bậc Thầy, cuộc sống của vị Cao Tăng là ngọn đuốc tuệ cho nhà văn trên bước đường tu học. Nơi trang đầu của tập truyện ngắn Mộng và Thực, xuất bản năm 2009, Huỳnh trung Chánh đã viết:

*“Kính dâng Hoà Thượng Đức Niệm, vị Thầy đã khuyến khích và nâng đỡ con trên con đường tu học và viết truyện đạo.”*

Huỳnh trung Chánh sống cuộc đời của người Cư sĩ Phật giáo, ăn chay trường, mỗi ngày tụng ba thời kinh Phật, lấy việc tu học hằng ngày làm niềm an lạc. Các truyện ngắn của ông đều chuyên chở giáo lý của nhà Phật; văn phong của ông rất bình dị nên dễ đi vào lòng người đọc; bởi thế nên dù là Phật tử hay không là Phật tử, ai ai cũng đều thích đọc các truyện ngắn của ông. Văn phong của ông có nhiều đặc trưng của nền văn học của miền đất phương Nam. Có thể nói ông là một trong những nhà văn miền Nam của dòng văn học hải ngoại.

### **Các tập truyện ngắn đã xuất bản:**

1. **Trở Về**, NXB Nguồn sống, California, USA, 1988; Chùa Viên Giác, Hannover, Đức quốc, tái bản.
2. **Vết Nhạ Lung Trời**, NXB Phật Học Viện Quốc Tế (PHVQT), California, USA, 1990; Chùa Viên Giác, Hannover, Đức quốc, tái bản; NXB Phương Đông, Saigon , tái bản 2010.
3. **Cửa Thiên Dính Bụi**, NXB PHVQT, Cali, USA, 1991; Chùa Viên Giác, Hannover, Đức quốc, tái bản; NXB Phương Đông, Saigon, tái bản 2010.
4. **Như Thế Mà Trôi**, NXB PHVQT, Cali, USA, 1994; Chùa Viên Giác, Hannover, Đức quốc, tái bản..
5. **Con Đường Vô Tận**, NXB PHVQT, Cali, USA, 1998; Chùa Viên Giác, Hannover, Đức quốc, tái bản; NXB Phương Đông, Saigon, tái bản 2010.



6. **Mẹ Quan Âm Cứu Long**, NXB PHVQT, Cali, USA, 2001; Chùa Viên Giác, Hannover, Đức quốc, tái bản; NXB Phương Đông, Saigon, tái bản 2010.
7. **Mộng hay Thực**, NXB Phương Đông, Saigon, 2009.
8. **Am Mây Ngàn**, NXB Phương Đông, Saigon, 2012.

Ông qua đời vào ngày 21 tháng 08 năm 2016 tại Nam California, Hoa Kỳ, hưởng thọ được 77 tuổi. Tang lễ được tổ chức trang nghiêm tại Nam California, Hoa Kỳ với sự tham dự đông đảo của các thân hữu xa gần.

(Trích: Lời giới thiệu Nhà văn, Cư sĩ Huỳnh Trung Chánh, bài của NVT  
Nguồn: Thư Viện Hoa Sen, Trang nhà Quảng Đức, Hoa Vô Ưu, An Phong An Bình, 2014 & 2025)

## **B.- Nội dung các tác phẩm của nhà văn cư sĩ Huỳnh Trung Chánh:**

Các truyện ngắn của ông được viết theo một định hướng do chính ông vạch ra:

“Với tôi, viết truyện đạo là một phương cách biểu lộ niềm tin sâu xa vào Phật Pháp, vừa có cơ hội nhìn lại chính mình để tu dưỡng thân tâm.”

(Con đường vô tận, tr. 11)

“Thật vậy, các truyện ngắn của ông đều chuyên chở giáo lý của nhà Phật; văn phong của ông rất bình dị nên dễ đi vào lòng người đọc; bởi thế nên dù là Phật tử hay không là Phật tử, ai ai cũng đều thích đọc các truyện ngắn của ông. Văn phong của Huỳnh Trung Chánh có nhiều đặc trưng của nền văn học của miền đất phương Nam. Có thể nói ông là một trong những nhà văn miền Nam của dòng văn học hải ngoại.”

(trích : Lời giới thiệu nhà văn, cư sĩ Huỳnh Trung Chánh, bài của NVT)

Nhà văn Huỳnh Trung Chánh đã kết hợp các truyện ngắn mà ông đã viết thành 8 cuốn truyện ngắn để cống hiến độc giả Phật tử hoặc không phải là Phật tử ở hải ngoại và đôi khi ở trong nước nữa.

Ông giúp độc giả hiểu và cảm nhận Phật Pháp bằng cách đưa Phật thuyết trở về đời sống thường ngày: có những việc đáng noi theo, có những sai quấy cần sửa đổi ngay cả trong đời sống tu hành. Tất cả sẽ trở về với Chánh Pháp, với những giá trị tâm linh và nhân bản của đạo Phật. Ông trình bày các tình huống sai trái mà không lên giọng dạy đời, không đưa ra phê bình gắt gao mà chỉ để độc giả đối thoại với chính độc giả, và độc giả đối thoại với chính tác giả.

Văn của ông nhẹ nhàng, trong sáng, dễ hiểu. Cái “*tinh thần Nam bộ*” thể hiện trong từng câu viết, qua cách đối thoại của nhân vật trong truyện. Ông gợi ý về ý niệm vô thường, về những khổ đau của cuộc đời, về lòng từ bi, về lòng buông xả. Ở đây chúng ta nhận thấy có sự giao thoa giữa *văn chương* và *thiền vị*.

Trong nhiều truyện ngắn, ông gợi nhớ lại quê hương, những kỷ niệm của thời thơ ấu ở quê nhà, tình bạn, tình mẫu tử, một tâm trạng của người Việt lưu vong nơi đất khách.

Đôi khi Huỳnh Trung Chánh mượn hình ảnh “*Vết nhận lưng trời*” để ẩn dụ đàn chim bay qua bầu trời và không còn để lại dấu vết gì, ở đây chứng tỏ sự phù du của cuộc đời, mọi hiện hữu chỉ là do duyên khởi, không bền lâu, vô thường. Trước sự vô thường trong kiếp người, chúng ta phải thanh thản trước những biến động của cuộc đời, chúng ta cần buông xả mọi vướng mắc để giải thoát. Tất cả mọi vật, mọi sự gì ở trong cuộc đời rồi sẽ qua đi như “*vết nhận*”, như “*áng mây*” trong không trung.

## **1.- Vài cuốn truyện ngắn tiêu biểu của Huỳnh Trung Chánh:**

**1.- Cửa thiền đánh bụi:** là tập truyện ngắn nổi tiếng của nhà văn Huỳnh Trung Chánh. Tập truyện này đã được in lại nhiều lần, ngay cả các chùa chiền ở hải ngoại và trong nước cũng đã in lại. Ông dùng hình ảnh “*cửa thiền*”, cửa chùa là nơi thanh tịnh, trong sáng; nhưng đôi khi có kẻ phá giới, vi phạm giới luật và lý tưởng của đạo Pháp, làm điều cản trở, đó là làm “*đánh bụi trần*”, bị những cám dỗ của thế tục. Ông diễn tả sự kiện và đề “*một dấu lặng*”, một khoảng trống cho người đọc tự suy nghĩ và tự phê phán.

“*Cửa thiền đánh bụi*” cho thấy đạo và đời có chỗ giao thoa cần được sửa chữa ở chỗ sai sót giới luật.

**2.- Con đường vô tận:** cho độc giả nhận thấy rõ kiếp sống của con người đầy biến động, hành giả cần nhận rõ từng bước đi, từng hơi thở chánh niệm để bước tới con đường giác ngộ.

**3.- Mẹ Quan Âm Cứu Long:** ở đây ông nêu lên hình ảnh của “**Mẹ Quan Âm**”, là hình ảnh của từ bi, cứu khổ, cứu nạn. Đây là niềm tin của hầu hết Phật tử. Độc giả hãy hướng về “**Đức Mẹ Quan Âm**” để nuôi dưỡng tâm từ bi, và nguyện cầu “*Đức Mẹ Quan Âm*” cứu giúp chính mình khi gặp hoạn nạn.

Trên những chuyến tàu vượt biên, khi con thuyền lênh đênh trên biển cả, trước những đợt sóng vô ngút ngàn, hầu hết Phật tử đều nguyện cầu “*Đức Mẹ Quan Âm*” cứu giúp. Nhiều vị tín đồ của Thiên Chúa giáo thường cầu nguyện “**Đức Mẹ Maria**” cứu giúp khi gặp hoạn nạn.

Hoà Thượng Thích Đức Niệm, Viện trưởng Phật Học Viện Quốc Tế ở California, Hoa Kỳ viết “Lời giới thiệu” về cuốn “*Cửa thiền đánh bụi*” có đoạn như sau:

[...] “Điểm đặc biệt của Cư sĩ Huỳnh Trung Chánh là mang tấm lòng thành kính thích gần gũi các bậc chân tăng để được học hỏi giáo lý đức Phật, tu tâm dưỡng tánh hầu đem tinh thần bình đẳng vị tha ra hành xử với xã hội đồng bào.

Vốn mang tư tưởng thâm nhuần Phật Pháp, yêu đạo thương đời, tuy ngày nay không còn ngồi trên đất nước quê hương, nhưng trong văn chương của cư sĩ vẫn bàng bạc tinh thần đặc thù cố hữu của đạo pháp dân tộc, với ước mong nguồn đạo được chánh thống chân truyền. Những sáng tác của cư sĩ ngầm cho ta thấy rằng con người muốn được lành mạnh hạnh phúc tiến bộ thì phải xoay lại sống với chính tâm linh mình. Hánh giả muốn đạt được giác ngộ giải thoát thì phải biết sống đời bình dị tri túc, luôn luôn sống trong tĩnh thức. Đạo pháp muốn trường tồn ngời sáng thì phải tôn trọng giới luật, chánh tín thực hành lời dạy của đức Thế tôn. Mọi người biết sống trong cương vị của mình, luôn luôn nhớ mình là người Việt Nam, ý nghĩ, việc làm và đời sống trong tâm lượng bao dung vị tha, thể hiện con dân nước Việt vốn có cội nguồn văn hoá và đạo đức.

[...]

Giờ đây trang sách mở ra, hương hoa thánh thiện phảng phất ngát ngào, gương sáng phản chiếu vào tận đáy sâu thẳm của tâm thức.”

(H.T. Thích Đức Niệm, Lời giới thiệu cuốn “Cửa thiền dính bụi”, 1991, tr. 5 & 6)

## 2.- Vài đoạn văn tiêu biểu của các tập truyện ngắn:

- “*Sen trắng*” trong tập truyện ngắn “*Cửa thiền dính bụi*”, Huỳnh Trung Chánh đã đề cao các chị, các dì. . . âm thầm làm công quả, phục vụ ở nhà bếp với tấm lòng không chạy theo danh sắc. Các vị ấy chính là **những vị Bồ-tát vô danh**:

[...] “Tánh dì chơn chất giản dị, cứ tuân lời thầy thành tâm thực hành, không hề thắc mắc, so đo, suy luận hơn thiệt, cứ đồng mãnh tinh tấn trong mấy mươi năm không thôi chuyển, nhờ vậy tâm địa ngày càng thanh tịnh, rồi đạt đến chỗ niệm Phật nhất tâm bất loạn mà chẳng ai ngờ. Một hôm, trong khi đang nấu cơm, nghe tiếng nước sôi dì quán niệm mong chúng sanh nghe được pháp màu, thì bỗng nhiên thế giới cực lạc hiện bày, tất cả thanh âm dì nghe: tiếng suối chảy, gió

reo, chim ca cùng hoà điệu thành những bài thuyết pháp vang lừng. Thời gian sau, biết trước giờ tịch diệt mà dì vẫn lo hoàn tất việc cơm nước hầu hạ đại chúng. Nhiên hậu mới tắm rửa, rồi quỳ lạy từ tạ tổ Viên Quang, đoạn vào bếp lần chuỗi niệm Phật mà thị tịch. Sau đó, tổ Viên Quang họp chúng tán dương đạo hạnh của dì, khiến cho lắm người trước kia tẻ bạc khinh khi dì, đã phải đập đầu sám hối.

[...]

(...) chợt hiểu rằng bất cứ hình thức nào trong sinh hoạt Phật giáo đều chỉ nhằm mục đích tu tâm. Ở nhà bếp khiếm cung công quả mà tu sửa tâm hữu hiệu thì giá trị gấp trăm ngàn lần kẻ vênh váo nơi chánh điện, gõ mõ chuông to, tụng kinh lớn tiếng ..., mà tâm thì vẫn buông lung theo danh sắc... Hình ảnh của dì Diệu Hạnh, dì tư Rõ, chị Nguyễn thị Hai . . . suốt đời làm công quả, cần cù và hoan hỷ phục vụ cho chúng sanh an vui tu tập... bỗng sáng ngời, cao cả, tột cùng. Sự hiện hữu của họ, những vị Bồ-tát vô danh đó, vô cùng cần thiết cho đời.”

(“Cửa thiền dính bụi”, 1991, tr.157, 158 & 171)

- Nơi khác, cư sĩ Huỳnh Trung Chánh đã viết lên một vị sư trong “*cửa thiền*” ở hải ngoại đã phạm giới. Ông diễn tả với giọng văn nhẹ nhàng chỉ để độc giả thấy sự sai quấy này mà tự phê phán:

[...] “Ở xứ người chùa chiền chỉ sinh hoạt vào cuối tuần, ngày thường chùa vắng tanh, nên tu sĩ có thể tùy nghi sống với sở thích, đỡ phải gò bó theo những lễ nghi phiền phức.

[...] Ở nước nhà, tu sĩ phải bận rộn suốt ngày, chăm chỉ tuân theo nề nếp, lo công phu, tập thiền quán. . . lại được thầy tổ giám sát, nên đâu có lúc vãn vơ lơ đãng. Đến xứ người, một mình một cõi tự tung tự tác, mà công việc Phật sự cũng chỉ thu gọn vào 2 ngày cuối tuần, thời giờ trống không ... rảnh quá nhiều, biết làm gì cho hết”

[...] Bỗng thầy choàng dậy, vớ điện thoại không giây để bên cạnh, bấm nút chọn đường giây tự động số một. Tiếng người đẹp “he lô” ở đầu giây khiến thầy nghe âm áp, mắt thầy sáng lên:

-A lô! Đang làm chi đó? Có gì vui không?

-Ô! mệt quá thầy ơi! Đang sửa sang tiệm mới cho kịp khai trương đầu tháng tới. Thầy cúng khai trương dùm nghen thầy?

- Hà!hà! Thiên kim muốn chi mà chả được?

-Cám ơn thầy! Thôi “bai” nghen thầy. Kim phải đến tiệm mới ngay, để chỉ dẫn đám thợ.

Thầy Q. L. tiếc rẻ gác máy. Thiên Kim có chồng ngoại quốc nên vui vẻ, và cởi mở, do đó thời gian hàn huyên với người tín nữ này vô cùng hứng thú.”  
[ ...]

(Cửa thiên đình bụi, tr.89, 90 & 91)

Ở chỗ khác nhà văn Huỳnh Trung Chánh diễn tả một sự hào danh đã chạy chọt để được tấn phong danh vị “*Thượng toạ*”:

[...] “Nguyên thầy thọ giới tỳ-kheo<sup>(1)</sup> hơi trẻ, tuổi đời tuy khá cao mà tuổi hạ mới hơn mười năm, chưa đủ 20 hạ để tấn phong “*Thượng toạ*”. Tuy vậy, ở nước ngoài thiên hạ thi đua nhau tự phong chức rầm rầm, “*trung sĩ y tá*” còn tự xưng được là “*trung tá y sĩ*”, nên nếu thầy có mập mờ ngày thọ giới tỳ-kheo để vận động được tấn phong danh vị thượng toạ cũng rất thường tình.”

(Cửa thiên đình bụi, tr. 95)

### III. Kết Luận:

Để kết luận về nhà văn Huỳnh Trung Chánh, chúng tôi xin trích dẫn lời nhận xét của Cố Hoà Thượng Thích Đức Niệm, Viện Trưởng Phật Học Viện Quốc Tế ở California, Hoa Kỳ như sau:

(. . .) “Ai đã từng đọc sách của cư sĩ Huỳnh Trung Chánh ít nhiều cũng cảm khoái lời văn trong sáng, chuyên chở những chuyện nhân tình thế sự nhẹ nhàng, như để nhấn gửi một ý nghĩa buông xả thăng hoa nào đó, khiến cho người đọc nhìn rõ nhân tình và thâm thấy lại chính mình. Đọc sách mà thấy được người, rõ được mình, cảm khoái dư âm văn vị thì đó là văn tuyệt tác. Tác giả đã sống thực với hoàn cảnh, chứng kiến sự việc và trình bày như sự việc. Nhân sự và thế sự trong truyện uyển

chuyển sống động, hấp dẫn bằng lối văn không bóng bảy cầu kỳ, tả chân người, việc một cách tự nhiên như cuộn phim được trình chiếu, không viển vông không tưởng vòng vo, khiến cho người đọc cảm thấy như chính mình đang thực sự sống trong cảnh tác giả trình bày. Đọc văn mà thấy hành hoạt của người, nhận rõ nhân cách của mình là văn tả chân, xuất phát từ tàng thức chân tình, vô hình chung văn của tác giả đã thành tấm gương phản chiếu nhân tình thế sự vô cùng linh hoạt. Muốn chiêm nghiệm tâm tình ẩn áo biến thái của thế nhân và nhìn thật rõ lại chính mình với cõi lòng thanh thản, tưởng nên tìm đọc những tác phẩm giá trị của Huỳnh Trung Chánh.”

(Trích: Lời giới thiệu về cuốn truyện “*Như Thế Mà Trôi*”, 1994, tr. 6)

Các truyện ngắn của nhà văn, cư sĩ Huỳnh Trung Chánh mang một sắc thái riêng: văn phong Nam bộ mộc mạc, gần gũi, vừa hợp thị hiếu độc giả bình thường, vừa chuyên chở tinh thần minh triết của Phật giáo.

Cố nhà văn, cư sĩ Huỳnh Trung Chánh đã toả sáng như một vì sao trên bầu trời văn học Phật giáo Việt Nam hải ngoại, ông đã để lại ánh sáng yêu thương và trí tuệ cho người đọc./.

Toronto, ngày 8 tháng 9 năm 2025

Tác giả cần chí,  
Nguyễn Vĩnh Thượng

-----

### **Cước Chú: Sa-di và <sup>(1)</sup>Tỳ-kheo**

1.-**Sa-di** (沙 弥) trong tiếng Hán, phiên âm tiếng Sanskrit = Sramanera, tiếng Pali = Samanera.

Về nghĩa gốc: - Srama = tinh tấn, khổ hạnh. - Sramana= Sa-môn, người tu hành xa lià thế tục.

-Sramanera= người tu hành mới xuất gia. Sa-di là giai đoạn tập sự để bước vào đời sống Tỳ-kheo. Sa-di phải giữ 10 giới căn bản:

1. Không sát sanh.
2. Không trộm cắp.
3. Không dâm dục.
4. Không nói dối.
5. Không uống rượu.
6. Không đeo đồ trang sức.
7. Không múa hát, xem và nghe nhạc.
8. Không ngủ giường cao rộng.
9. Không ăn sau giờ Ngọ.
10. Không giữ vàng bạc, tiền của.

2. <sup>(1)</sup>Tỳ-kheo (比丘) trong tiếng Hán, phiên âm từ tiếng Sanskrit = Bhiksu, tiếng Pali= Bikkhu . Bhiksu/Bikkhu có nghĩa là người sống bằng cách khát thực, xin ăn. Nghĩa rộng là người xuất gia tu hành theo đạo Phật.

Tỳ-kheo giữ 227 giới theo Theravada, giữ 250 giới theo Phật giáo Phát Triển/Bắc tông.

Tỳ-kheo Ni giữ 311 giới theo Theravada, giữ 348 giới theo Phật giáo Phát triển/ Bắc tông.